

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/DS-ST

Ngày: 07/11/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc B

2. Ông Trần Khánh H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 176/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Hòa Đ, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn:

01. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1980;

02. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1983;

03. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp Gò Dò Nhỏ, xã Bình Th, huyện M, huyện M, tỉnh L.

Bà L, ông Đ, bà L1 có mặt; bà Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L: Bà Lê Thị Hồng L yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th liên đới trả cho bà L số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 167.079.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu trả một lần.

Đề nghị của bà Nguyễn Thị Kim Th: Bà Th thừa nhận có thiếu tiền phân thuốc của bà L như bà L trình bày, đồng ý trả 167.079.000đ nhưng xin trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000đ.

Đề nghị của ông Trần Văn Đ: Ông Đ thừa nhận có thiếu tiền phân thuốc của bà L như bà L trình bày, đồng ý trả 167.079.000đ nhưng xin trả dần trong ba năm, bắt đầu từ năm 2020.

Đề nghị của bà Trần Thị L1: Bà L1 xác định không có bảo lãnh số nợ trước đây giữa bà L và ông Đ, bà Th. Khi sản xuất vụ Hè- Thu năm 2019 thì bà L1 có ký vào giấy bảo lãnh nhưng số nợ sau khi sản xuất vụ Hè- Thu năm 2019 thì phía ông Đ, bà Th đã trả hết cho bà L.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị Hồng L cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (phô tô), hợp đồng mua bán phân bón, biên nhận ngày 03/3/2019.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th, bà Trần Thị L1 cung cấp: Không.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà L, ông Đ và bà Th trình bày thống nhất: Bà L có bán phân bón và trước trừ sâu nhiều lần cho ông Đ và bà Th, đến ngày 03/3/2018 hai bên kết nợ với số tiền là 208.940.000 đồng, hai bên thống nhất lãi suất là 1%. Ông Đ và bà Th hẹn trong vòng một tháng kể từ ngày 03/3/2019 trả hết số tiền 208.940.000 đồng. Việc mua bán vào vụ Hè – Thu năm 2019, có bà Trần Thị L1 ký bảo lãnh. Tại đơn khởi kiện bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th liên đới cùng bà Trần Thị L1 trả lại cho bà L số tiền 208.940.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/4/2019 tạm tính đến ngày 28/8/2019 là 04 tháng 24 ngày với mức lãi suất 1%/tháng là 10.049.000đ. Tổng số tiền là 218.989.000đ, ngày 28/8/2019 ông Đ và bà Th có trả được 52.950.000đ còn lại 155.990.000đ. Các đương sự thống nhất số tiền 167.079.000đ, không yêu cầu tính lãi tới ngày xét xử. Bà L, ông Đ, bà L1 và bà Th đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

Các tình tiết bà L, ông Đ và bà Th trình bày không thống nhất: Các đương sự không thống nhất về thời gian trả và cách thức trả. Bà L1 không đồng ý việc bảo lãnh

số nợ trước. Bà L thừa nhận sau khi bà L1 ký bảo lãnh thì ông Đ và bà Th đã trả hết số nợ thiếu trong vụ Hè- Thu 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là “Hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th và bà Trần Thị L1 có địa chỉ tại xã Bình Th, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Th:* Bà Nguyễn Thị Kim Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L đối với số nợ gốc:*

Bà Lê Thị Hồng L khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 16/4/2018; bà Nguyễn Thị Kim Th vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà L; ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th thừa nhận nợ và đồng ý trả nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của bà L cung cấp và lời thừa nhận của ông Đ, bà Th để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung giấy xác nhận nợ ngày 16/4/2018 thì ông Đ và bà Th có mua vật tư nông nghiệp của bà L, sau khi tính toán số nợ còn lại là 167.079.000 đồng; ông Đ, bà Th đồng ý trả số tiền là 167.079.000 đồng; việc bảo lãnh của bà L1 xảy ra sau khi giữa bà L và ông Đ, bà Th đã tiến hành giao dịch mua bán tại thời điểm vụ Hè-Thu năm 2019, sau đó thì ông Đ và bà Th đã thanh toán đủ số nợ phát sinh trong vụ Hè – thu năm 2019 nên bà L1 không phải liên đới chịu trách nhiệm đối với số nợ trước đó; bà L cũng thừa nhận việc yêu cầu bà L1 bảo lãnh vì sợ bà L1 sẽ bán phần đất của ông Đ được cho nhưng chưa tách giấy chủ trước đó khi giao dịch mua bán không có liên quan bà L. Do đó, căn cứ vào Điều 92 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông Đ, bà Th, ông Đ, bà Th có nghĩa vụ trả bà L số tiền nợ gốc là 167.079.000 đồng.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L đối với số nợ lãi:

Bà L rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên căn cứ Điều 217, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của bà L đối với ông Đ và bà Th.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà L yêu cầu trả một lần, ông Đ và bà Th xin trả nhiều lần nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim Th phải liên đới chịu số tiền 8.354.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị L1 không phải chịu án phí. Bà Lê Thị Hồng L không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của bà Lê Thị Hồng L đối với ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th, công nhận sự thỏa thuận của bà L đối với ông Đ và bà Th, ông Đ và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 167.079.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi chín ngàn) đồng.

Căn cứ Điều 217, Điều 218, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Hồng L đối với ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim Th và bà Trần Thị L1. Bà L có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim Th phải liên đới chịu số tiền 8.354.000 (tám triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Lê Thị Hồng L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L số tiền 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002915 ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L